

## Use Case “Place Order”

### 1. Mã use case

UC002

### 2. Giới thiệu

Use case mô tả sự tương tác giữa khách hàng và hệ thống khi khách hàng muốn đặt hàng.

### 3. Tác nhân

#### 3.1 Khách hàng

### 4. Tiền điều kiện

Không.

### 5. Luồng sự kiện chính (Thành công)

1. Khách hàng chọn xem giỏ hàng.
2. Hệ thống kiểm tra các sản phẩm trong giỏ hàng mà khách hàng có thể mua được.
3. Hệ thống hiển thị giỏ hàng. (Xem bảng 3.1 và 3.2)
4. Khách hàng yêu cầu đặt hàng.
5. Hệ thống hiển thị form điền thông tin giao hàng. (Xem bảng 2)
6. Người dùng điền thông tin và xác nhận.
7. Hệ thống tính toán chi phí đơn hàng.
8. Hệ thống hiển thị hóa đơn. (Xem bảng 4.1, 4.2)
9. Khách hàng xác nhận đặt hàng.
10. Hệ thống gọi tới use case “Pay order”
11. Hệ thống tạo đơn hàng mới.
12. Hệ thống đưa giỏ hàng về trạng thái rỗng.
13. Hệ thống thông báo đơn đặt hàng thành công.

## 6. Luồng sự kiện thay thế

**Bảng 1-Luồng sự kiện thay thế của Use case "Place Order"**

STT	Vị trí	Điều kiện	Hành động	Vị trí tiếp tục
1.	Tại bước 3	Số lượng sản phẩm trong kho ít hơn số lượng khách hàng đặt.	<ul style="list-style-type: none"><li>Hệ thống thông báo khách hàng cập nhật giỏ hàng.</li><li>Khách hàng cập nhật giỏ hàng.</li></ul>	Tiếp tục tại bước 2
2.	Tại bước 7	Người dùng không điền đủ các trường bắt buộc	<ul style="list-style-type: none"><li>Hệ thống thông yêu cầu người dùng điền đủ các trường thông tin bắt buộc.</li></ul>	Tiếp tục tại bước 5
3.	Tại bước 7	Số điện thoại không hợp lệ	<ul style="list-style-type: none"><li>Hệ thống thông yêu cầu người dùng nhập số điện thoại hợp lệ.</li></ul>	Tiếp tục tại bước 5

## 7. Dữ liệu đầu vào

**Bảng 2 - Dữ liệu đầu vào của thông tin giao hàng**

STT	Trường dữ liệu	Mô tả	Bắt buộc?	Điều kiện hợp lệ	Ví dụ
1.	Receiver name		Có		Vu Quang Dai
2.	Phone number		Có		0123456789
3.	Province	Chọn từ danh sách	Có		Hanoi
4.	Address		Có		Số 1, ngõ 2, đường Trần Đại Nghĩa, Hai Bà Trưng
5.	Shiping instructions		Không		

## 8. Dữ liệu đầu ra

**Bảng 3.1 - Dữ liệu đầu ra của từng sản phẩm trong giỏ hàng**

STT	Trường dữ liệu	Mô tả	Dạng hiển thị	Ví dụ
1.	Title	Tên sản phẩm	Text	DVD phim John Wick
2.	Quantity	Số lượng sản phẩm tương ứng	Là số nguyên dương. Căn lề phải	5
3.	Price	Giá một sản phẩm tương ứng	Có dấu phẩy ngăn cách hàng nghìn. Là số nguyên dương. Căn lề phải	140,000
4.	Amount	Tổng số tiền của sản phẩm tương ứng	Có dấu phẩy ngăn cách hàng nghìn. Là số nguyên dương. Căn lề phải	700,000

**Bảng 3.2 - Dữ liệu đầu ra của giỏ hàng**

STT	Trường dữ liệu	Mô tả	Dạng hiển thị	Ví dụ
5.	Subtotal Before VAT	Tổng giá tiền của toàn bộ sản phẩm trước khi tính VAT	Có dấu phẩy ngăn cách hàng nghìn. Là số nguyên dương. Căn lề phải	520,000
6.	Subtotal	Tổng giá tiền của toàn bộ sản phẩm sau khi tính VAT	Có dấu phẩy ngăn cách hàng nghìn. Là số nguyên dương. Căn lề phải	572,000
7.	Currency	Đơn vị tiền		VND

**Bảng 4.1 - Dữ liệu đầu ra của từng sản phẩm trong hóa đơn**

STT	Trường dữ liệu	Mô tả	Dạng hiển thị	Ví dụ
1.	Title	Tên sản phẩm	Text	DVD phim John Wick
2.	Quantity	Số lượng sản phẩm tương ứng	Là số nguyên dương. Căn lẻ phải	5
3.	Price	Giá một sản phẩm tương ứng	Có dấu phẩy ngăn cách hàng nghìn. Là số nguyên dương. Căn lẻ phải	140,000
4.	Amount	Tổng số tiền của sản phẩm tương ứng	Có dấu phẩy ngăn cách hàng nghìn. Là số nguyên dương. Căn lẻ phải	700,000

**Bảng 4.2 - Dữ liệu đầu ra của hóa đơn**

STT	Trường dữ liệu	Mô tả	Dạng hiển thị	Ví dụ
5.	Subtotal Before VAT	Tổng giá tiền của toàn bộ sản phẩm trước khi tính VAT	Có dấu phẩy ngăn cách hàng nghìn. Là số nguyên dương. Căn lẻ phải	520,000
6.	Subtotal	Tổng giá tiền của toàn bộ sản phẩm sau khi tính VAT		572,000
7.	Shipping fees			15,000
8.	Total	Tổng của Subtotal và Shipping fees		587,000
9.	Currency	Đơn vị tiền		VND
10.	Receiver name			Vu Quang Dai
11.	Phone number			0123456789
12.	Province			Hanoi
13.	Address			Số 1, ngõ 2, đường Trần Đại Nghĩa, Hai Bà Trưng
14.	Shiping instructions			

**9. Hậu điều kiện**

Không